

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 808/TTr-SNV ngày 23 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục C06 (Bộ Công an);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCD CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục phương châm: lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Kế thừa và phát huy các kết quả của năm 2024, tiếp tục đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp, tăng tốc hoàn thành các nhiệm vụ trên các lĩnh vực cải cách hành chính làm tiền đề cho việc đề xuất nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2026-2030.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, bứt phá phù hợp với điều kiện thực tiễn hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính, góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2025.

2. Yêu cầu

a) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải thể hiện trách nhiệm nêu gương, vai trò dẫn dắt, năng động, sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025 với tinh thần **“làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bứt phá”** và **“5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”**.

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số, tập trung vào chính quyền số, cung cấp dịch vụ công đảm bảo tính liên thông, đồng bộ, thống nhất nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Nâng cao đạo đức công vụ, kỷ luật hành chính; tập trung thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tiếp tục tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến gắn với đào tạo kỹ năng số cho người dân, tăng cường đáp ứng khả năng sử dụng dịch vụ công.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo liên thông, đồng bộ, thống nhất thực hiện hiệu quả công

tác quản lý của các cơ quan Nhà nước và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị với phương châm “*Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả*”; xây dựng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Phấn đấu năm 2025, duy trì kết quả những thành phần của các Chỉ số cải cách hành chính (PAPI, SIPAS, PAR INDEX, PCI), Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp đã được đánh giá mức tối đa; tiếp tục phấn đấu cải thiện kết quả, nâng cao vị trí xếp hạng các Chỉ số của tỉnh.

- Tối thiểu 30% số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được kiểm tra cải cách hành chính năm 2025.

- 100% các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm cả Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn được đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính.

- 100% cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được đánh giá mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024 (trừ những đơn vị không có thủ tục hành chính, có thủ tục hành chính nhưng thực hiện theo quy trình mật, không có phát sinh hoặc có phát sinh giao dịch thủ tục hành chính ít không đủ để lựa chọn cỡ mẫu điều tra).

b) Cải cách thể chế:

- 100% cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, thời hạn và quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản dưới luật hướng dẫn việc thực hiện.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được rà soát, kiến nghị, xử lý đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

c) Cải cách thủ tục hành chính:

- 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai kịp thời; thực hiện đơn giản hóa 20% thủ tục hành chính nội bộ.

- 100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến (nếu có phát sinh giao dịch thực tế) phát sinh hồ sơ trực tuyến. Phấn đấu tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt 70%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 60%.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính do các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận trong năm được giải quyết trước và đúng hạn đạt trên 98% trở lên; tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn 100%.

d) Cải cách tổ chức bộ máy:

- Sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính; tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập; giảm đầu mối, phân đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- Tiếp tục thực hiện giảm biên chế công chức, biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo lộ trình; phấn đấu đến năm 2026 giảm 5% biên chế công chức, 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

đ) Cải cách chế độ công vụ:

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, có trình độ, phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong trình hình mới.

- Trên 90% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.

e) Cải cách tài chính công:

- 100% các cơ quan, đơn vị sự trong tỉnh ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định.

- Nghiêm túc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán Nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Hoàn thành các chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- 100% Số dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức; Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hình thành Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh; 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 90% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 80% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 60% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

(Các chỉ tiêu/chỉ tiêu thành phần cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo quản lý của Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính; kiểm tra công tác cải cách hành chính, các nội dung, nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp để cải thiện, nâng cao kết quả các Chỉ số PAPI, Chỉ số PCI, Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số SIPAS của tỉnh theo Kế hoạch số 132/UBND-KH ngày 05/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác theo dõi, đánh giá, công khai kết quả chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

d) Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cấp, các ngành; tăng cường công tác đối thoại với các doanh nghiệp để nắm tình hình, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, các nhà đầu tư.

e) Đổi mới cách thức tuyên truyền cải cách hành chính với nhiều hình thức phong phú. Đổi mới, đa dạng các phương pháp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đảm bảo phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn, địa phương, phù hợp đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Cải cách thể chế

a) Nâng cao tính chủ động, hiệu quả trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tập trung rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật thuộc tất cả các ngành, lĩnh vực, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới phù hợp với quy định của Trung ương và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

b) Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Kịp thời công khai các chính sách, quy định pháp luật của tỉnh trên các trang thông tin điện tử, đa dạng kênh thông tin, hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Thực hiện quyết liệt trong cải cách thủ tục hành chính; tập trung triển khai có hiệu quả “Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” tại cấp xã.

b) Thường xuyên rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh bảo đảm thực chất, hiệu quả trên cơ sở lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tập trung cắt giảm những thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý hoặc có nội dung trùng lặp trên cơ sở dữ liệu sẵn có.

c) Xử lý nghiêm trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra tình trạng chậm trễ hồ sơ, gây phiền hà cho người dân, tổ chức; tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính; thực hiện an toàn thông tin lưu trữ hồ sơ, giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý của người dân, doanh nghiệp.

d) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện việc rà soát, tái cấu trúc quy trình, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến; tiếp tục nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; đảm bảo yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Thực hiện phương án sắp xếp, tinh gọn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức và người lao động.

b) Tiếp tục thực hiện công tác tinh giản biên chế đảm bảo chỉ tiêu theo quy định của giai đoạn 2022-2026, gắn với hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, ủy quyền; gắn trách nhiệm với quyền hạn, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện phân cấp; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp, ủy quyền.

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ đối với các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với cấp xã, kịp thời đề xuất biểu dương và kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra nội bộ để kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm chưa tốt. Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

b) Triển khai các giải pháp cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với công tác đánh giá cán bộ để làm cơ sở cho việc tinh gọn đội ngũ cán bộ,

công chức, viên chức; tập trung đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số.

c) Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

d) Thực hiện các chính sách thu hút, tuyển dụng nhân tài vào làm việc trong các sở ngành, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ về việc khuyến khích cán bộ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

6. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch về lĩnh vực tài chính công theo đúng quy định. Thực hiện đảm bảo các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025 theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo.

c) Triển khai kịp thời các văn bản về chế độ, chính sách tài chính theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chủ động đôn đốc, kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện ở các ngành, các cấp của địa phương, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về chế độ, chính sách tài chính và thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện dự toán chi thường xuyên và kế hoạch đầu tư công đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, chống lãng phí và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; duy trì, kết nối, chia sẻ dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

b) Nâng cao chất lượng dịch vụ công toàn trình trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh theo hướng thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Triển khai mạnh mẽ các giải pháp để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công toàn trình và dịch vụ công một phần; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thực hiện số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo lộ trình đề ra.

c) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc cơ quan nhà nước cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

d) Xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, Chính quyền số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan; đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, an toàn thông tin cho người dân trên các phương tiện truyền thông.

đ) Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia của người dân.

e) Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc, Hệ thống lưu trữ điện tử bảo đảm đáp ứng các quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 07/3/2020 và nhu cầu sử dụng của các cơ quan, đơn vị, địa phương; triển khai quy định về lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, kết nối với hệ thống quản lý văn bản với một cửa điện tử của tỉnh, Hệ thống lưu trữ lịch sử của tỉnh để thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính theo Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31/8/2023 của Bộ Nội vụ.

g) Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đội thanh niên tình nguyện về dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số cá nhân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo giá trị pháp lý của các tài liệu, giấy tờ đã được số hóa (như sổ sức khỏe điện tử, học bạ điện tử...).

(Nội dung 36 nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện thị xã, thành phố

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Kế hoạch cần xác định cụ thể nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, sản phẩm đạt được gắn liền với quy định trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc của người đứng đầu và nhiệm vụ triển khai thực hiện của đơn vị.

b) Tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ, đảm bảo chất lượng và tiến độ đối với các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch này; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ quý, 06 tháng, năm về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định.

c) Nghiêm cấm hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà người dân, doanh nghiệp; nếu có phát hiện thì phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định. Chủ động, tích cực nắm bắt tình hình, gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh.

d) Kịp thời động viên, biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều nỗ lực, cố gắng, đổi mới, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính. Không xếp loại mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với các trường hợp đã có nhắc nhở, chấn chỉnh về việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn trong năm 2024 nhưng chậm chuyển biến, tiếp tục tái phạm nhiều lần trong năm 2025.

2. Sở Nội vụ

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tổ chức đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính; đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện thi đua khen thưởng trong công tác cải cách hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ kết quả thực hiện Kế hoạch này hàng quý, 06 tháng, năm theo quy định; trong đó lưu ý, đánh giá cụ thể tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Kế hoạch này.

3. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua khen thưởng trong năm 2025, nhất là đối với các tập thể, cá nhân để xảy ra trường hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn.

5. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí để triển khai chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nội dung, định mức chi, phương thức quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính năm 2025 theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định, Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ động, tích cực nắm bắt tình hình, gặp gỡ, đối thoại, trao đổi với doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh để hỗ trợ đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị mở rộng sản xuất kinh doanh; đồng thời, đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư các doanh nghiệp mới phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian tới.

8. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

PHỤ LỤC 1

CÁC CHỈ TIÊU, CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
1	Kết quả các chỉ số đánh giá hiệu quả cải cách hành chính của tỉnh			
1.1	Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh (Par Index)	Trong nhóm 25 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 03 địa phương dẫn đầu khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung	Sở Nội vụ	Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã
1.2	Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (SIPAS)	Trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 03 địa phương dẫn đầu khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung	Sở Nội vụ	
1.3	Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 03 địa phương dẫn đầu khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung	Sở Nội vụ	
1.4	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Trong nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
1.5	Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	Trong nhóm 25 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Thông tin và Truyền thông	

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
		và nhóm 05 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên		
1.6	Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp (Chỉ số 766)	Thuộc nhóm Xuất sắc (trên 90 điểm), nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước và dẫn đầu khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND, HĐND cấp huyện, cấp xã
1.7	Kiểm tra cải cách hành chính	Tối thiểu 30% số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện
1.8	Đánh giá, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính	100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (bao gồm cả Ban Quản lý Khu kinh tế), UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn	Sở Nội vụ	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã
1.9	Đánh giá mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính	100% các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (bao gồm cả Ban Quản lý Khu kinh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
		tế), UBND các huyện, thị xã, thành phố		
2	Các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đảm bảo chất lượng theo quy định	100%	Sở Tư pháp	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND, HĐND cấp huyện, cấp xã
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thủ tục hành chính nội bộ được công bố, đơn giản hóa.	Công bố 100% TTHC nội bộ được quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương. - Tham mưu công bố 100% TTHC nội bộ được quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh do cơ quan, đơn vị dự thảo và trình phê duyệt. - Thực hiện đơn giản hóa 20% số lượng TTHC nội bộ như nêu trên.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
3.2	Tỷ lệ công bố, công khai thủ tục hành chính đúng hạn.	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
4	Giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập theo kế hoạch, giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan liên quan
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	Trên 90% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
6	Đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập			
6.1	Các chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025 và các năm tiếp theo	Hoàn thành các chỉ tiêu đề ra theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; các cơ quan liên quan
7	Chính quyền điện tử, chính quyền số			
7.1	Tỷ lệ lập hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng:		Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
	- Các sở, ngành và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	90%	-	-
	- Các phòng, ban và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.	80%	-	-
	- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.	60%	-	-
7.2	Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công			
	Tỷ lệ TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến (nếu có phát sinh giao dịch thực tế) phát sinh hồ sơ trực tuyến	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan
	Tỷ lệ TTHC được cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến (nếu có phát sinh giao dịch thực tế) phát sinh giao dịch trực tuyến	100%		
	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định	100%		
	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	80%		
	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	100%		
	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	70%		

STT	Chỉ tiêu/Chỉ tiêu thành phần	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Trách nhiệm cụ thể	
			Đơn vị theo dõi, hướng dẫn thực hiện	Đơn vị thực hiện
	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ trực tuyến.	75%		
	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.	90%		
	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.	100%		
	Tỷ lệ số lượng bản sao chứng thực điện tử trên tổng số bản sao do UBND cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện chứng thực.	100%		
	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.	60%		
	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	100%		
	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	100%		
	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	95%		
7.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh

PHỤ LỤC 2

36 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH				
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính, khen thưởng năm 2024 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2025.	Tổ chức Hội nghị của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 2
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và Báo cáo phân tích các Chỉ số cải cách hành chính: PAR INDEX, SIPAS năm 2024	Sở Nội vụ		
1.2	Công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và Báo cáo phân tích Chỉ số DDCI năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
1.3	Ra mắt Trang thông tin điện tử Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh	Trang thông tin điện tử Ban Chỉ đạo	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông		

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Truyền thông về cải cách hành chính năm 2024	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 2
3	Kiểm tra cải cách hành chính năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 3
4	Xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 5
5	Sửa đổi Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 6
6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 6
7	Triển khai Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định	Đưa vào sử dụng Hệ thống đánh giá cải cách hành chính, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 9
8	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về cải cách hành chính giai đoạn 2025-2030	Quyết định/Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 12

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Kế hoạch cải thiện nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Quản trị và Hành chính công (PAPI) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sau khi Trung ương công bố kết quả các Chỉ số
II CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
10	Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện,	Tháng 1
11	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện,	Tháng 1
12	Ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2025	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Tháng 2
III CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
13	Triển khai mô hình “Ưu tiên phục vụ tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đối với các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh”.	Quyết định phê duyệt kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 6

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
14	Ban hành Bộ quy tắc ứng xử của người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh	Quyết định phê duyệt danh mục	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 8
15	Tổ chức sơ kết Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027”	Tổ chức Hội nghị sơ kết	Văn phòng UBND tỉnh	Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các sở, ngành, địa phương	Tháng 9
16	Ban hành Quy chế quản lý, vận hành “Hệ thống quản lý dữ liệu thủ tục hành chính tỉnh Bình Định”	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 11
17	Sửa đổi Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan	Tháng 10
IV CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
18	Hoàn thành việc triển khai Đề án sắp xếp cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Đề án của UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Trong năm
19	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp	Quyết định của UBND tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện	Các sở, ngành liên quan	Sở Nội vụ	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
20	Đánh giá, xếp loại cơ quan hành chính tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Tháng 7

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
21	Lập hồ sơ đề nghị công nhận thị xã Hoài Nhơn là đô thị loại III và công nhận khu vực dự kiến thành lập phường (xã Hoài Hải nhập vào phường Hoài Hương) thuộc thị xã Hoài Nhơn đạt trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại III	Tờ trình của UBND tỉnh	Sở Xây dựng, UBND thị xã Hoài Nhơn	Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan	Tháng 10
22	Hoàn thiện hồ sơ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 (xã Hoài Hải, thị xã Hoài Nhơn)	Văn bản báo cáo của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Sau khi có Quyết định công nhận của Bộ Xây dựng
23	Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 153/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Cả năm
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
24	Rà soát, phê duyệt hoặc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ	Theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực
25	Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 gắn với triển khai thực hiện công cụ “Trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức” trong thực thi công vụ, nhất là đối với cán bộ, công chức cấp xã	Kế hoạch của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 3

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
26	Thí điểm tổ chức lại công việc của công chức tiếp nhận và trả kết quả của Bộ phận Một cửa tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	Phương án của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 4
27	Quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 9
28	Rà soát, sửa đổi Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh quy định chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố; mức hỗ trợ, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 9
29	Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức	Quyết định của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cả năm
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
30	Triển khai thực hiện Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 – 2025 và các năm tiếp theo	Quyết định của UBND tỉnh.	Các sở, ngành; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Sở Tài chính	Cả năm
VII XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ					
31	Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2025	Quyết định/Kế hoạch UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 3
32	Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Hệ thống VNPT- iGate) phiên bản 3.0	Đưa vào sử dụng Hệ thống VNPT- iGate phiên bản 3.0	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 3
33	Triển khai nền tảng “Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh” (Kho dữ liệu số thông minh)	Quyết định/Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 8
34	Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Quyết định/Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 9
35	Triển khai Hệ thống theo dõi quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với Hệ thống theo dõi quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Tháng 9

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
36	Đề án Kho lưu trữ số tỉnh Bình Định	Đề án	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	Sau khi Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn